ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2151/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 02 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ cát tại lô số 4, Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ cát tại lô số 4, Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 02/CV ngày 23/6/2021 của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 553/TTr-STNMT ngày 19/7/2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ cát với diện tích 34.626m^2 tại lô số 4, Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam làm Chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án.

4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại Quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch UBND huyện Núi Thành; Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam; Chủ tịch UBND xã Tam Hiệp; Giám đốc Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Núi Thành;
- Lưu: VT, KTN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tân

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ BIẾN CÁC SẢN PHẨM TỪ CÁT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Các thông tin về Dự án

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ cát tại lô số 4, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam.

- Địa chỉ liên hệ: lô số 4, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

a) Phạm vi Dự án

Nhà máy sản xuất chế biến các sản phẩm từ cát tại lô số 4, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với diện tích thực hiện là 34.626m^2, Dự án có giới hạn như sau:

- Phía Đông Bắc: giáp Công ty Cổ phần Gạch men Anh em DIC;

- Phía Đông Nam: giáp đường số 03 KCN Bắc Chu Lai;

- Phía Tây Bắc: lô số 5A, 5B và lô số 6;

- Phía Tây Nam: giáp đường số 05 KCN Bắc Chu Lai.

b) Quy mô của Dự án:

- Cát tuyển rửa: 300.000 tấn sản phẩm/năm;

- Cát sấy khô: 50.000 tấn sản phẩm/năm;

- Cát bọc nhựa: 15.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sản xuất vật liệu phụ gia trong xây dựng: 7.200 tấn sản phẩm/năm (vữa xi măng khô, bột trang trí, chất làm cứng bề mặt bê tông, chất chống thấm và chống bám nước);

- Hàng thủ công mỹ nghệ làm từ xi măng, cát: 15.000 tấn sản phẩm/ năm.

1.3. Các hạng mục chính của Dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà bảo vệ	28,00	0,08
2	Nhà điều hành	234,00	0,68

TT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
3	Phòng cân	37,50	0,11
4	Nhà vệ sinh	28,00	0,08
5	Trạm cân	77,55	0,22
6	Trạm biến áp	40,00	0,12
7	Đường nội bộ	3.558,80	10,28
8	Sân nội bộ	651,73	1,88
9	Cây xanh	6.990,30	20,19
10	Nhà ăn	450,00	1,30
11	Nhà xe	202,20	0,58
12	Bãi chứa nguyên liệu khô	3.174,2	9,17
13	Sân phơi	4.853,80	14,02
14	Dây chuyền tuyển rửa	705,00	2,04
15	Hồ điều hòa	600,00	1,72
16	Bãi chứa sản phẩm	5.099,50	14,73
17	Nhà xưởng sản xuất	4.712,22	13,61
18	Nhà xưởng dự kiến	3.133,20	9,05
19	Bể thu gom và xử lý nước thải	50,00	0,14
Tổng cộng		**34.626**	**100**

1.4. Nguyên liệu trong hoạt động sản xuất

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Cát nguyên liệu	Tấn/năm	300.000
2	Hạt nhựa	Tấn/năm	1.500
3	Xi măng	Tấn/năm	8.000
4	Nguyên liệu thô (để sản xuất vật liệu phụ gia trong xây dựng)	Tấn/năm	7.200

Ghi chú: Hạt nhựa sử dụng làm nguyên liệu tại nhà máy 100% là hạt nhựa nguyên sinh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Đối với môi trường không khí: bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn.

- Đối với chất thải: chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Bụi thải từ quá trình thi công xây dựng Nhà máy.

- Khí thải phát sinh từ việc vận hành máy móc thiết bị thi công tại công trình.

- Khí thải của công đoạn hàn, cắt sắt thép khi thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Bụi thải:

+ Bụi đất từ hoạt động giao thông;

+ Cát bay tại bãi chứa nguyên liệu đầu vào và bãi chứa sản phẩm tại dây chuyền tuyển rửa cát;

+ Bụi cát từ quá trình phân cỡ hạt bằng sàng phân cỡ hạt tại dây chuyền chế biến cát sấy khô;

+ Bụi từ quá trình trộn nguyên liệu và phụ gia bằng máy trộn tại dây chuyền sản xuất vật liệu phụ gia trong xây dựng;

+ Bụi từ quá trình trộn luyện cát bằng máy trộn tại dây chuyền chế biến cát bọc nhựa;

+ Bụi xi măng tại từ quá trình chà mài, xử lý bề mặt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng.

- Khí thải:

+ Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông chủ yếu là CO, NO_2, SO_2;

+ Khí thải đốt dầu DO từ quá trình sấy khô cát bằng máy sấy thùng quay (dây chuyền chế biến cát sấy khô) và quá trình cấp nhiệt cho máy sấy nhiệt (dây chuyền chế biến cát bọc nhựa). Chất gây ô nhiễm là bụi, CO, NO_x, SO_2;

+ Mùi nhựa từ quá trình bọc nhựa, trộn luyện cát (dây chuyền chế biến cát bọc nhựa), chất gây mùi là THC;

+ Hơi dung môi phát sinh trong công đoạn sơn (dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng) (VOC).

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn thi công xây dựng: khối lượng phát sinh 0,675 m^3/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng: khối lượng phát sinh 0,5 m^3/ngày. Thành phần nước thải có tính kiềm, độ đục cao, chứa nhiều đất, cát, ximăng, vụn bê tông và các tạp chất lơ lửng khác.

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng lớn nhất: 419,2 (l/s), chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn hoạt động: khối lượng phát sinh 9,75 m^3/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải sản xuất trong giai đoạn hoạt động: phát sinh từ dây chuyền sản xuất sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ từ xi măng với lượng phát sinh khoảng 7,6m^3/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu chứa các tạp chất lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng lớn nhất: 627,4 (l/s), chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Chất thải rắn xây dựng: các loại phế thải trong xây dựng như đất đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt thép vụn, đất đào dư thừa do thi công nền móng với khối lượng 50 – 60 kg/ngày. Khối lượng đất đào dư thừa khoảng 2.875,1m^3.

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu bao bì ni lông, chai lọ bằng nhựa, thủy tinh, vỏ đồ hộp, thực phẩm thừa với khối lượng khoảng 7,5 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: thực phẩm thừa, giấy vụn, bao bì, chai lọ, những

chất thải rắn liên quan trong quá trình làm việc của công nhân viên với khối lượng 60 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất: bao gồm tạp chất hữu cơ (cỏ, rác), quặng, vụn đá, xi măng, cát rơi vãi, mảnh vụn, ba via, sản phẩm không đạt yêu cầu, cặn lắng ở đáy hệ thống phun sương với khối lượng 173 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh trong các quá trình thi công xây dựng Dự án với khối lượng phát sinh 08 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại chủ yếu là dầu nhớt thay thế, mỡ bôi trơn, bóng đèn các loại, giẻ lau dính dầu mỡ trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị, máy móc, giẻ lau, thùng can dính sơn, dung môi hữu cơ, cặn sơn với khối lượng 58 kg/tháng.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

a) Đối với bụi và khí thải

- Tưới nước giảm bụi tại khu vực làm việc trên công trường, tại các khu vực thi công phát sinh nhiều bụi, bằng xe bồn $3m^3$ vào các thời điểm phát sinh nhiều bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày.

- Lập kế hoạch thi công, lắp đặt máy móc thiết bị hợp lý, hạn chế tối đa việc tập trung nhiều máy móc thiết bị cùng lúc.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác tháo gỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị ở mức tối đa, hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân khi thực hiện lắp đặt máy móc. Công nhân phải tuân thủ theo các điều kiện bảo hộ lao động được đề ra trong quá trình thao tác.

b) Đối với nước thải

- Nước thải sinh hoạt

Chủ dự án sử dụng 03 bể tự hoại hiện có tại khu vực Dự án; nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Chu Lai để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng

+ Đối với nước thải do rửa dụng cụ sau mỗi ngày làm việc được thu gom, lắng cặn hằng ngày tại hố lắng bố trí tại công trường xây dựng;

+ Bố trí công nhân thường xuyên dọn dẹp công trường sạch sẽ.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn xây dựng: toàn bộ chất thải rắn xây dựng sẽ được công nhân thu gom hằng ngày:

+ Đối với chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, các loại xà bần, gỗ phát sinh trong và sau quá trình xây dựng còn có giá trị sử dụng được thu gom để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cá nhân hay đơn vị có nhu cầu;

+ Những chất thải còn lại không tận dụng được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định;

+ Đối với đào dư thừa do việc đào đắp khi thi công tại Dự án (2.875,1 m^3) được tận dụng để san lấp những khu vực trũng thấp trong khu vực Nhà máy, gia cố nền móng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác xung quanh khu vực thi công sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Được thu gom vào thùng phuy đậy kỹ và tập kết tại nơi khô ráo, có mái che để lưu giữ tạm thời. Sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc thi công tại khu vực dự án.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động

a) Về xử lý bụi trong quá trình sản xuất

- Cát bay tại bãi chứa nguyên liệu đầu vào và bãi chứa sản phẩm tại dây chuyền tuyển rửa cát:

+ Phun nước trên tuyến đường vận chuyển nguyên liệu cát vào dây chuyền tuyển rửa cát vào những ngày nắng và gió lớn;

+ Khi gió to, Công ty dùng lưới bao trùm bãi chứa cát nguyên liệu để hạn chế cát bay;

+ Trồng cây xanh cao 4-5m nhằm bảo vệ môi trường trong khu vực nhà máy và trồng cỏ gú xung quanh bãi chứa cát nguyên liệu.

- Bụi cát từ quá trình phân cỡ hạt bằng sàng phân cỡ hạt tại dây chuyền chế biến cát sấy khô: phân cỡ hạt trong máy sàng hoàn toàn kín.

- Bụi từ quá trình trộn nguyên liệu và phụ gia bằng máy trộn tại dây chuyền sản xuất vật liệu phụ gia trong xây dựng:

+ Thực hiện quá trình trộn trong máy trộn kín;

+ Hướng dẫn thao tác sử dụng máy trộn chính xác cho công nhân trong quá trình hoạt động phù hợp với công nghệ và kỹ thuật để giảm thiểu bụi phát sinh.

- Bụi từ quá trình trộn luyện cát bằng máy trộn tại dây chuyền chế biến cát bọc nhựa: được xử lý cùng với hơi nhựa phát sinh phát sinh trong quá trình trộn.

- Bụi xi măng từ quá trình phối trộn nguyên liệu, quá trình chà mài, xử lý bề mặt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng:

+ Quá trình trộn nguyên vật liệu như xi măng, cát để đúc hàng thô ở phân xưởng sản xuất hàng từ xi măng được thực hiện trong thiết bị kín, tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh;

+ Tại khu vực chà, mài xử lý bề mặt sản phẩm: Khu vực máy chà, mài được bố trí cuối công đoạn sản xuất. Bụi phát sinh được xử lý bằng hệ thống phun sương, sau đó không khí sạch xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B thoát ra bên ngoài thông qua ống xả khí. Sơ đồ công nghệ như sau:

Bụi từ quá trình chà mài, hoàn thiện bề mặt sản phẩm (dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng

Cửa thăm kiểm tra sự cố và xúc dọn lượng bụi lắng đọng tại các khoang

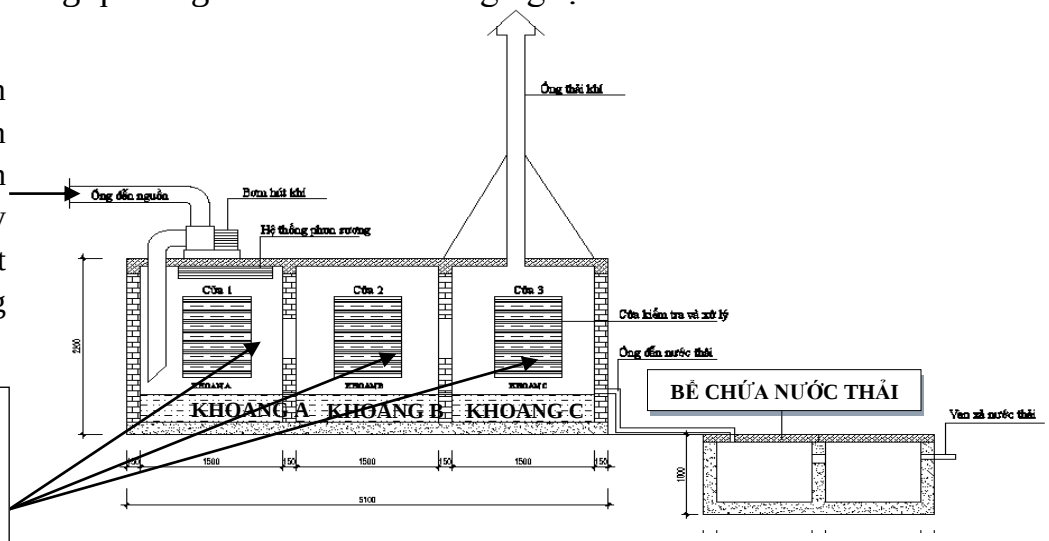

b) Về xử lý khí thải trong quá trình sản xuất

- Khí thải đốt dầu DO từ quá trình sấy khô cát bằng máy sấy thùng quay (dây chuyền chế biến cát sấy khô) và quá trình cấp nhiệt cho máy sấy nhiệt (dây chuyền chế biến cát bọc nhựa):

+ Sử dụng nhiên liệu dầu DO đạt tiêu chuẩn và có % S=0,05%;

+ Xây dựng quy trình vận hành máy sấy thùng quay và tiến hành giám sát công nhân vận hành liên tục đúng theo quy trình;

+ Ngoài ra trong khí thải đốt dầu ra ngoài lẫn theo bụi cát, để xử lý vấn đề này, khí thải trước khi thải ra ngoài được đưa qua xử lý bằng hệ thống lọc bụi Xyclone để thu hồi bụi cát. Không khí sau khi ra khỏi xyclone xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B theo ống thoát khí bằng thép D640 ra ngoài. Sơ đồ như sau:

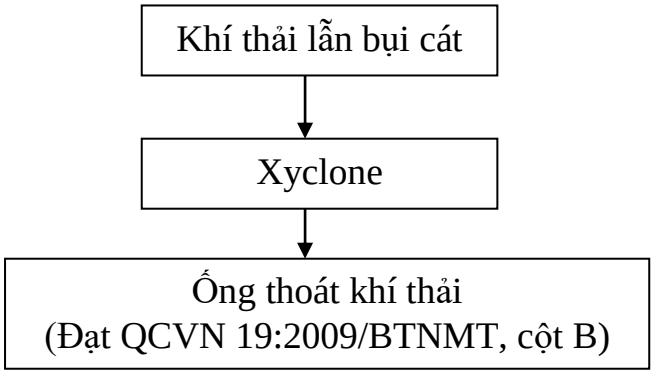

- Mùi nhựa từ quá trình bọc nhựa, trộn luyện cát (dây chuyền chế biến cát bọc nhựa):

+ Sử dụng nguyên liệu là nhựa nguyên sinh;

+ Bụi, hơi nhựa từ quá trình bọc nhựa (tại máy sấy nhiệt) và quá trình trộn luyện cát (tại máy trộn) được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý bụi và mùi nhựa. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi và mùi nhựa:

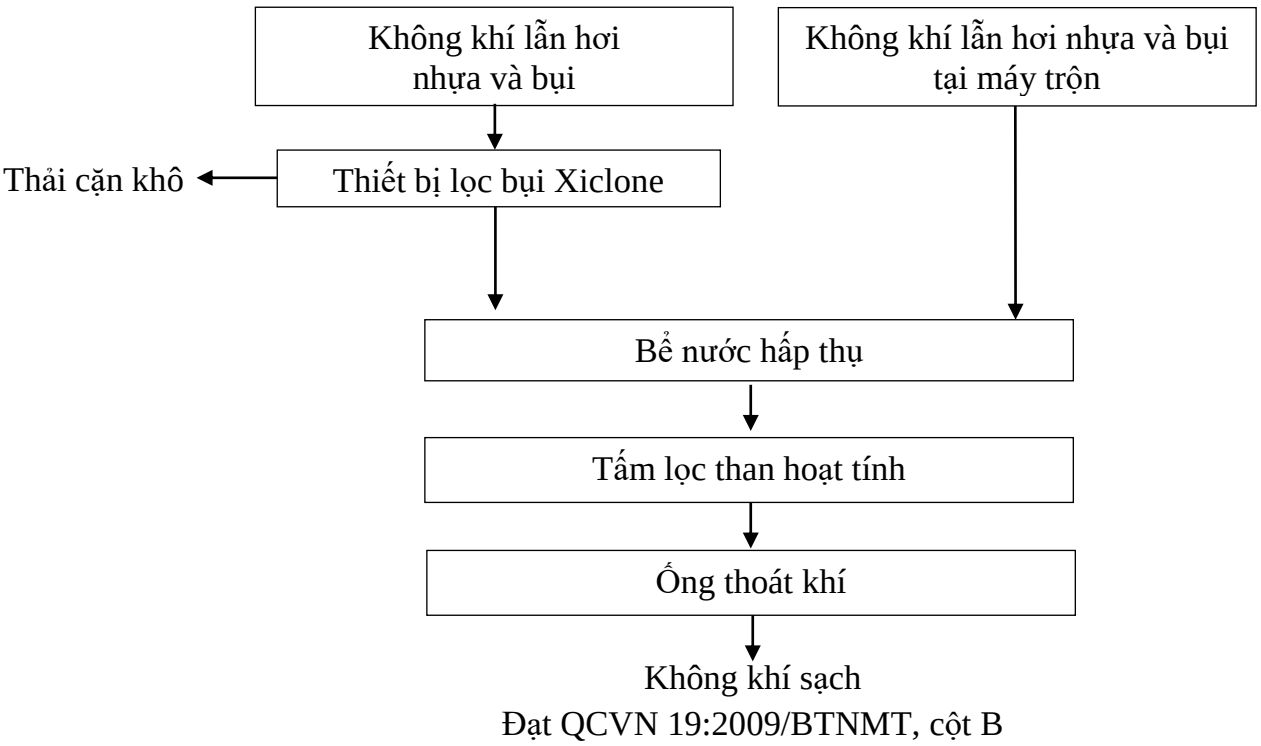

- Hơi dung môi phát sinh trong công đoạn sơn (dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng):

+ Sử dụng hệ thống buồng sơn hiện đại, kín;

+ Sử dụng hệ thống chụp hút, quạt hút, ống thông hơi để hút hơi dung môi phát sinh trong khu vực sơn;

+ Sử dụng phương pháp hấp thụ bụi sơn bằng màng nước để xử lý khí thải chứa bụi sơn phát sinh từ công đoạn sơn.

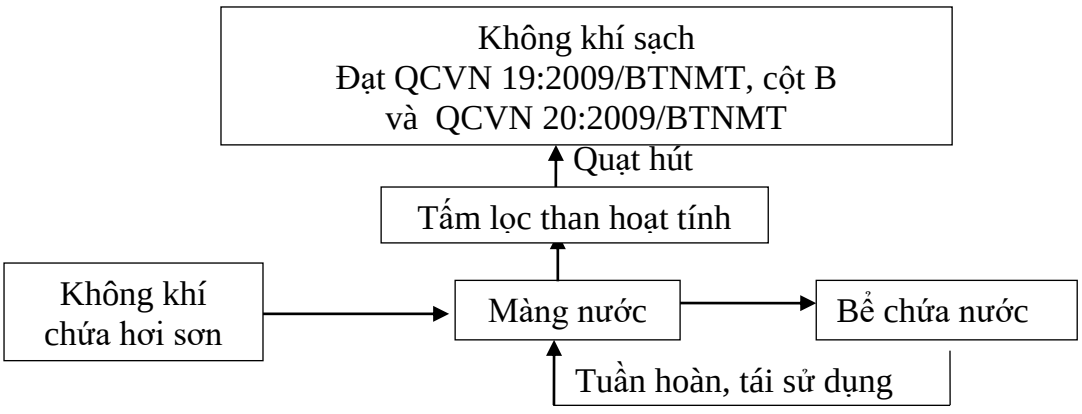

- Trồng cây xanh: diện tích trồng cây xanh tại nhà máy là 6.990,3m^2, chiếm 20,19 % tổng diện tích toàn nhà máy.

c) Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: toàn bộ nước thải sinh hoạt tại nhà máy được thu gom đưa về xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn hiện có tại khu vực Dự án tổng thể tích của 3 bể là 37,44m^3. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại được dẫn theo đường ống nhựa D114mm ra hố ga sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Bắc Chu Lai xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải nhà ăn: toàn bộ nước thải nhà ăn phát sinh tại nhà máy sau khi được chặn rác bằng chặn rác inox gắn tại bồn rửa (chén, bát,...) sau đó qua bể tách dầu mỡ nhằm loại bỏ lượng dầu mỡ thải và được dẫn theo đường ống nhựa D220mm ra hố ga sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Bắc Chu Lai để xử lý.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải sản xuất tại Nhà máy chỉ phát sinh tại dây chuyền sản xuất sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ từ xi măng với tổng lưu lượng nước thải sản xuất của Nhà máy khoảng 7,6m^3/ngày;

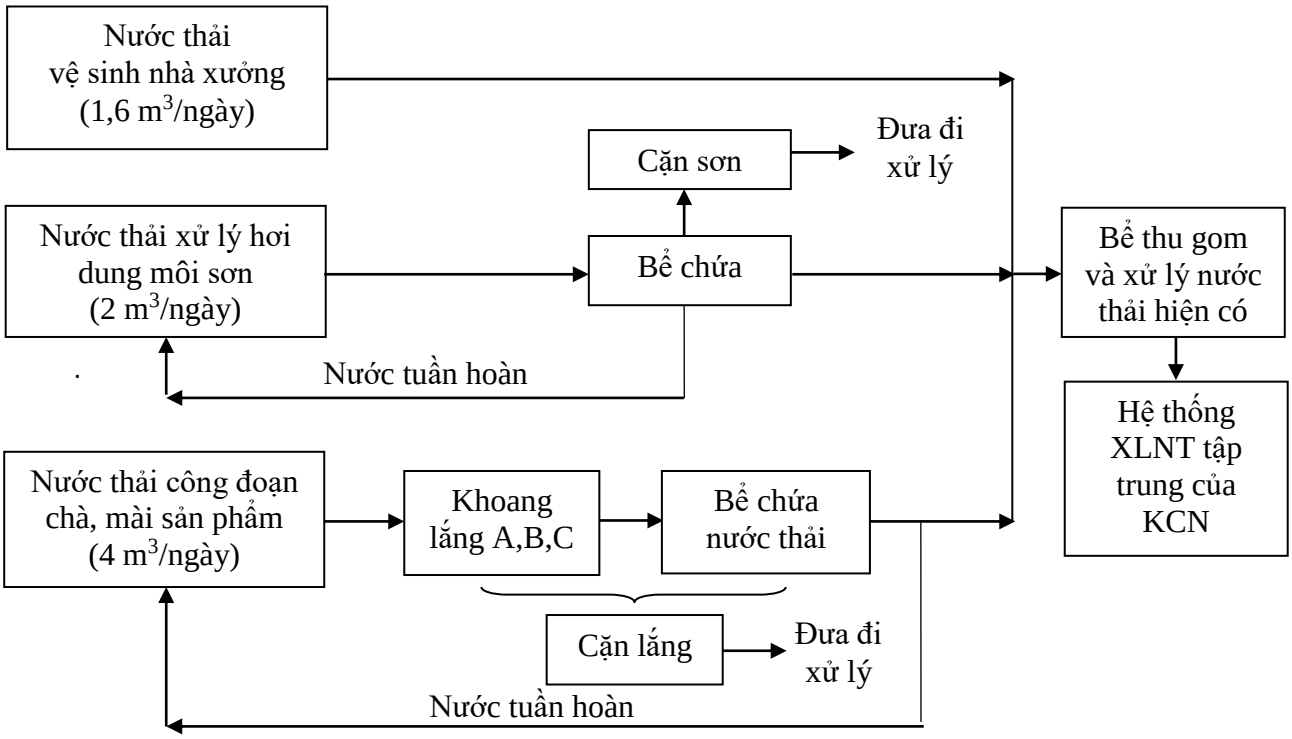

+ Nước thải từ hệ thống phun sương (xử lý bụi trong quá trình chà, mài, xử lý bề mặt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ từ xi măng và bụi phát sinh từ quá trình phân cỡ hạt tại dây chuyền chế biến cát sấy khô) khi rơi xuống sẽ được lắng cặn ngay tại đáy khoang (khoang A, khoang B, khoang C), sau đó được đưa đến bể chứa nước thải 2,1m^2 (gồm 2 ngăn, ngăn 1 có kích thước B x L x H=1,2m x1,5m x1m, ngăn 2 có kích thước B x L x H=1,2m x1,5m x1m) tiếp tục lắng cặn, nước sau lắng được bơm tái sử dụng;

+ Nước thải sau khi xử lý hơi sơn tại công đoạn xử lý hơi dung môi sơn được đổ về bể chứa nước và tuần hoàn liên tục. Cặn sơn phát sinh được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý;

+ Nước thải từ hệ thống phun sương và nước thải sau xử lý hơi sơn sau khi đạt đến độ đục nhất định sẽ đi vào đường ống nước thải cùng với nước thải từ khâu vệ sinh nhà xưởng và đấu nối đưa về bể thu gom và xử lý nước thải hiện có tại khu vực dự án để xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Chu Lai;

+ Tại Nhà máy cải tạo lại bể thu gom và xử lý nước thải với công suất xử lý 12m^3/ngày. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

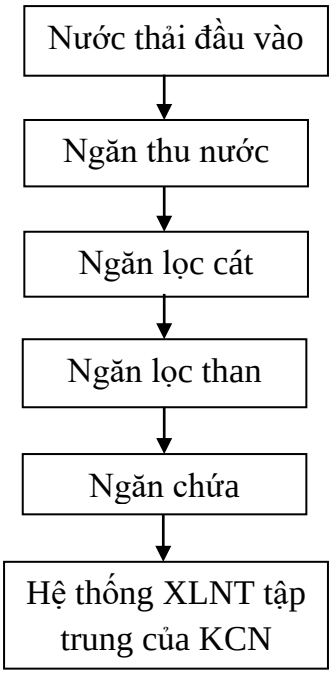

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, dọc các tuyến cống được bố trí các hố ga và song chắn rác dùng để thu gom và lắng cặn, sau đó thoát vào mạng lưới thoát nước mưa chung của khu công nghiệp.

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn (CTR)

- Chất thải rắn thông thường

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác tại khu vực làm việc và xung quanh nhà máy. Đối với chất thải rắn có thể tái sử dụng như chai lọ, nhà máy thu gom lại định kỳ bán cho các cơ sở thu mua tái chế. Đối với chất thải rắn sinh hoạt không thể tái sử dụng như thức ăn thừa, bao bì nilon được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý;

+ Chất thải rắn sản xuất: Bố trí thùng rác tại vị trí phát sinh để thu gom. Xây dựng kho chứa chất thải rắn sản xuất (bố trí gần kho chất thải nguy hại), có diện tích 12m^2 để lưu chứa quặng, chất thải rắn. Quặng thu được bán lại cho các công ty

có nhu cầu làm kính, khuôn đúc, vật liệu xây dựng, lọc nước. Các loại chất thải còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý;

- Chất thải nguy hại: thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, có nhãn dán. Xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 13,2m^2 và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

d) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và ô nhiễm khác

- Tiếng ồn

+ Bịt kín các khu vực gây ồn trong nhà xưởng bằng tường gạch 100mm, trần ván ép 10mm;

+ Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền gây ồn;

+ Trồng cây xanh quanh trên các khu đất trống, đặc biệt là gần khu vực lắp đặt dây chuyền tuyển rửa;

+ Không hoạt động của các máy móc gây ồn trong những giờ cần yên tĩnh (sau 08 giờ tối đến 06 giờ sáng ngày hôm sau);

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn (nút bịt tai, mũ bảo hộ lao động...).

e) Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường

- Phòng chống sự cố cháy nổ

+ Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, nội quy, quy định an toàn PCCC của nhà máy;

+ Trang bị và lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống báo cháy tại các khu vực;

+ Các bình bọt chữa cháy cầm tay được bố trí khu vực gần lối đi, hành lang, gần cầu thang…gồm các bình bột khô ABC 6,0kg và các bình CO_2 5,0kg đặt trong các tủ chứa cháy dùng để dập tắt đám cháy tức thời khi mới bắt đầu cháy.

- Sự cố, rủi ro do hư hỏng các hệ thống xử lý nước thải, bụi

+ Tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ trong suốt thời gian vận hành để kịp thời xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố;

+ Tổ chức tập huấn cho nhân viên vận hành nắm rõ quy trình vận hành bể thu gom và xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, cách nhận biết dấu hiệu xảy ra sự cố và biện pháp ứng phó khi có sự cố xảy ra;

+ Khi xảy ra sự cố, Công ty ngừng hoạt động của Nhà máy và huy động khẩn cấp nhân lực, phương tiện để ứng cứu và khắc phục, đồng thời báo cáo ngay cho Chủ đầu tư KCN Bắc Chu Lai, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, UBND huyện Núi Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường được biết về tình hình xảy ra vụ việc và khắc phục hậu quả. Đồng thời với quá trình khắc phục hậu quả, Chủ đầu tư tiến hành cải tạo hệ thống xử lý để nhanh chóng đưa vào vận hành trở lại.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

STT	Tên công trình	Số lượng	Đơn vị
I	**Các công trình bảo vệ môi trường hiện có tại Nhà máy**		
1	Bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt: + Bể tự hoại tại nhà điều hành hiện hữu: 3mx2mx2,08m + Bể tự hoại tại phòng cân hiện hữu: 3mx2mx2,08m + Bể tự hoại tại góc phía Đông Bắc dự án: 3mx2mx2,08m	03	Bể
2	Hệ thống thoát nước mưa	01	Hệ thống
II	**Các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy xây dựng thêm/cải tạo**		
1	Bể thu gom và xử lý nước thải bao gồm 04 ngăn: + Ngăn thu nước (3,2mx2,2mx1,8m) + Ngăn lọc cát (3mx2mx1,8m) + Ngăn lọc than (3mx2mx1,8m) + Ngăn chứa (9,6mx2,2mx1,8m)	01	Bể
2	Hệ thống lọc bụi xyclone có Ø1.400 cao 08m xử lý bụi cát lẫn trong khí thải đốt dầu (đồng bộ với dây chuyền chế biến cát sấy khô)	01	Hệ thống
3	Hệ thống xử lý bụi và mùi nhựa phát sinh từ quá trình bọc nhựa, trộn luyện cát (đồng bộ với dây chuyền chế biến cát bọc nhựa)	01	Hệ thống
4	Hệ thống phun sương xử lý bụi phát sinh từ quá trình chà mài, xử lý bề mặt sản phẩm	01	Hệ thống
5	Bể chứa nước thải để lắng cặn nước thải từ hệ thống phun sương gồm 2 ngăn + Ngăn 1 có kích thước 1,2mx1,5mx1m + Ngăn 2 có kích thước 1,2mx1,5mx1m)	01	Bể
6	Hệ thống dập bụi sơn màng nước và tấm lọc than hoạt tính xử lý hơi dung môi sơn	01	Hệ thống
7	Hệ thống thu gom và thoát nước thải	01	Hệ thống
8	Kho chứa CTNH	13,2	m^2
9	Kho chứa CTR	12	m^2

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO_2, NO_2, CO.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần, thực hiện khi bắt đầu thi công được ½ tháng.

b) Giám sát chất thải rắn

- Giám sát công tác thu gom, tập kết chất thải rắn

+ Phân loại chất thải tại nguồn theo quy định;

+ Thường xuyên theo dõi quá trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn tại Dự án;

+ Tần suất: thường xuyên.

- Giám sát chất thải nguy hại

+ Phân loại chất thải tại nguồn theo quy định;

+ Thường xuyên theo dõi quá trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại tại Dự án;

+ Tần suất: thường xuyên.

5.2. Giám sát, quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động

a) Giám sát môi trường nước thải

- Nước thải đã đươc thu gom và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp (KCN) Bắc Chu Lai để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường. Nên việc giám sát môi trường nước thải tuân thủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư hạ tầng KCN.

b) Giám sát môi trường khí thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống thoát khí thải sau xyclone xử lý bụi cát (dây chuyền chế biến cát sấy khô), 01 điểm ống xả khí ra môi trường sau hệ thống phun sương, 01 điểm tại ống xả khí ra môi trường sau hệ thống xử lý hơi dung môi sơn (dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng), 01 điểm tại ống thoát khí hệ thống xử lý mùi nhựa phát sinh từ quá trình bọc nhựa, trộn luyện cát (dây chuyền chế biến cát bọc nhựa).

- Thông số giám sát: bụi, THC (Đối với ống xả khí ra môi trường sau hệ thống phun sương tại dây chuyền sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xi măng và ống thoát khí thải sau xyclone xử lý bụi cát tại dây chuyền chế biến cát sấy khô chỉ giám sát chỉ tiêu Bụi).

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B), QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

c) Giám sát chất thải rắn

- Giám sát công tác thu gom, tập kết chất thải rắn

+ Phân loại chất thải tại nguồn theo quy định;

+ Thường xuyên theo dõi quá trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn tại Dự án;

+ Tần suất: thường xuyên.

- Giám sát chất thải nguy hại

+ Phân loại chất thải tại nguồn theo quy định;

+ Thường xuyên theo dõi quá trình thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại tại Dự án;

+ Tần suất: thường xuyên.

6. Trách nhiệm của Chủ dự án

6.1. Tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

6.2. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

6.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6.5. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

6.6. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được theo dõi, giám sát.

6.7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vận hành chính thức.

6.8. Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại khoản 2, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại điểm 4, khoản 7, Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

7. Các điều kiện liên quan kèm theo

7.1. Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở của Dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7.2. Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

7.3. Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.4. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

7.5. Thu gom, xử lý các loại khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, bảo đảm đạt các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường.

7.6. Xây dựng, đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

7.7. Có các biện pháp kỹ thuật an toàn và môi trường phù hợp nhằm giảm

thiểu tác động của Dự án tới các hoạt động giao thông đường bộ; có các biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dự án; thực hiện nghiêm túc chiều cao xây dựng, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; không làm ảnh hưởng đến các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, tới các di tích văn hóa, các hoạt động du lịch trong khu vực.

7.8. Tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án song song với quá trình thi công xây dựng; đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

7.9. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho Dự án; tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng cấp nước sinh hoạt, an toàn hóa chất, tài nguyên nước và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án.

7.10. Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

7.11. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.